

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI LAI
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2022/DS-ST

Ngày: 30-6-2022

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Tuấn Kiệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Tấn Lạc
2. Ông Lý Hồng Hạnh

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Phục Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Minh Khang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thới Lai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 267/2022/QĐXXST-DS ngày 02/6/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Mỹ L**, sinh năm 1965
Trú tại: ấp TT A, xã TX B, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ
2. Bị đơn: Ông **Lương Văn L1**, sinh năm 1974

Bà **Nguyễn Thị Mỹ D**, sinh năm 1976

Cùng trú tại: ấp TT A, xã TX B, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ
Tất cả có mặt.

NỘI D V U ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày: Trước đó vợ chồng ông Lương Văn L1, bà Nguyễn Thị Mỹ D có vay của bà Phạm Thị Mỹ L số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất hai bên tự thỏa thuận với nhau. Đến ngày 09/5/219 giữa bà với ông L1 bà D có làm giấy nợ để chốt số nợ, ông L1 bà D còn nợ lại bà số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng, nợ lãi 166.000.000 đồng. Sau đó bà có gửi đơn đến Ban nhân dân ấp để giải quyết, tại buổi hòa giải bà D bớt cho ông L1, bà D tiền lãi 66.000.000 đồng.

Nay bà yêu cầu ông L1, bà D trả số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng, nợ lãi 100.000.000 đồng, đồng thời trả tiền lãi trên số nợ gốc 200.000.000 đồng từ ngày

10/5/2019 theo mức lãi suất 1%/tháng đến ngày 10/5/2022 với số tiền 72.000.000 đồng và tiếp tục tính lãi đến khi trả xong nợ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D trình bày: Vào năm 2017, 2018 bà và chồng là ông Lương Văn L1 có vay của bà L 2 lần số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận. Đến ngày 09/5/2019 giữa hai bên có làm biên nhận nợ, vợ chồng bà còn nợ bà L số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng, nợ lãi 166.000.000 đồng. Khi hòa giải ở ấp bà L đồng ý bớt tiền lãi 66.000.000 đồng.

Nay vì hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, bà và ông L1 đồng ý trả cho bà L số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi 1%/tháng từ ngày 10/5/2019 đến khi trả xong nợ, xin bà L bỏ số tiền lãi 100.000.000 đồng.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu. Các bị đơn cho rằng trước đây cũng đã đóng lãi nhiều cho nguyên đơn, nay xin nguyên đơn không lấy số tiền lãi 100.000.000 đồng, đồng ý trả tiền lãi 1%/tháng trên số nợ gốc 200.000.000 đồng từ ngày 10/5/2019 đến khi trả hết nợ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Ngày 09/9/2017 âm lịch (ngày 28/10/2017 dương lịch) ông Lương Văn L1 và bà Nguyễn Thị Mỹ D có vay của bà L số tiền 200.000.000 đồng, đến ngày 11/6/2019 ông L1 bà D có ký giấy xác nhận còn nợ bà L số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi 166.000.000 đồng. Bị đơn cũng thừa nhận có nợ số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng của bà L, xin bà L bỏ không tính tiền lãi 100.000.000 đồng, chỉ đồng trả tiền lãi trên số nợ gốc là 1%/tháng từ ngày 09/5/2019 AI (ngày 11/6/2019 dương lịch) đến nay là 36 tháng. Đối với việc bị đơn xin nguyên đơn không tính số tiền lãi 100.000.000 đồng thì nguyên đơn không đồng ý nên bị đơn phải chịu. Từ những căn cứ nêu trên xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của bà Phạm Thị Mỹ L yêu cầu ông Lương Văn L1, bà Nguyễn Thị Mỹ D trả số tiền đã vay. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Ông Lương Văn L1 và bà Nguyễn Thị Mỹ D có vay của bà Phạm Thị Mỹ L số tiền 200.000.000 đồng. Đến ngày 09/5/2019 hai bên chốt nợ và có làm giấy nhận nợ, theo đó ông L1 bà D còn nợ bà L số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng,

nợ lãi 166.000.000 đồng nhưng bà L chỉ yêu cầu ông L1 bà D trả tiền lãi là 100.000.000 đồng. Do đó, giấy nhận nợ ngày 09/5/2019 là chứng cứ để xác định bị đơn có nợ nguyên đơn số tiền trên theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình hòa giải tại tòa, bà D cũng thừa nhận còn nợ bà L số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng, nợ lãi 100.000.000 đồng. Nay ông L1 bà D đồng ý trả nợ gốc 200.000.000 đồng, xin bà L bỏ tiền lãi trước đó là 100.000.000 đồng, đồng ý trả lãi trên số nợ gốc 200.000.000 đồng với lãi suất 1%/tháng từ ngày 09/5/2019 đến khi trả hết nợ.

Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí. Bị đơn phải chịu theo quy định.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát như đã nêu trên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157; các Điều 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Các Điều 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Mỹ L.

2. Buộc ông Lương Văn L1 và bà Nguyễn Thị Mỹ D cùng có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Mỹ L số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng, nợ lãi 100.000.000 đồng, nợ lãi từ ngày 09/5/2019 âm lịch (ngày 11/6/2019 dương lịch) đến ngày 09/5/2022 âm lịch (ngày 07/6/2022 dương lịch) là 72.000.000 đồng, tổng cộng số tiền là 372.000.000 đồng (ba trăm bảy mươi hai triệu đồng).

Ông L1, bà D còn phải tiếp tục trả tiền lãi cho bà L theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận là 1%/tháng từ ngày 08/6/2022 trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán đến khi trả hết nợ cho bà L.

3. Về tạm ứng án phí DSST và án phí DSST: Bà Phạm Thị Mỹ L được nhận lại 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0005417 ngày 14/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Lai. Ông Lương Văn L1 và bà Nguyễn Thị Mỹ D phải chịu 18.600.000 đồng (mười tám triệu sáu trăm ngàn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. Thái Lai;
- Chi cục THADS H. Thái Lai;
- TAND TP. Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Bùi Tuấn Kiệt

